

Số: 277 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách, công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 03 tháng đầu năm 2025 của Cục Sở hữu trí tuệ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Quyết định số 3463/QĐ-BKHCN ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 3469/QĐ-BKHCN ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 152/QĐ-BKHCN ngày 03/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (đợt 1);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách, công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 03 tháng đầu năm 2025 của Cục Sở hữu trí tuệ (theo Mẫu biểu số 01, Mẫu biểu số 03 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng Cục, Trưởng Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Đà Nẵng và các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này.!

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Phó Cục trưởng Lê Huy Anh;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Huy Anh



Biểu số 01
(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính).

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 871/QĐ-SHTT ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Cục Sở hữu trí tuệ)

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó			Cục Sở hữu trí tuệ
				Văn phòng Cục Sở hữu trí tuệ	Văn phòng Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Hồ Chí Minh	Văn phòng Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Đà Nẵng	
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
1	Số thu phí, lệ phí	418.775	418.775	378.495	38.500	1.780	
1.1	Lệ phí	27.404	27.404	23.724	3.500	180	
1.2	Phí	391.371	391.371	354.771	35.000	1.600	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	123.610	123.610	117.580	3.246	2.784	-
2.1	Chi sự nghiệp						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2,2	Chi quản lý hành chính	123.610	123.610	117.580	3.246	2.784	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	123.610	123.610	117.580	3.246	2.784	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	295.165	295.165	273.185	21.000	980	
3.1	Lệ phí nộp NSNN	27.404	27.404	23.724	3.500	180	
3.2	Phí nộp NSNN	267.761	267.761	249.461	17.500	800	

g22llc

II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.850	8.850					8.850
I	Chi quản lý hành chính							
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ							
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ							
2	Nghiên cứu khoa học	8.850	8.850					8.850
2,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ							
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	8.850	8.850					8.850
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>							
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>							
2,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng							
2,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề							
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình							
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
5	Chi bảo đảm xã hội							
5,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
5,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
6	Chi hoạt động kinh tế							
6,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
6,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường							
7,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
7,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin							

Đơn vị: CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
Chương: 017

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 03 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 277/QĐ- SHTT ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Cục Sở hữu trí tuệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán 03 tháng	Ước thực hiện 03 tháng đầu năm 2025		So sánh (%)	
		2025	2024	2025	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
1	Số thu phí, lệ phí	418.775	90.866	135.973	32,47%	149,64%
1.1	Lệ phí	27.404	6.358	6.675	24,36%	104,99%
a	Lệ phí nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp			2.278		
b	Lệ phí cấp Văn bằng bảo hộ, cấp giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp			1.988		
c	Lệ phí duy trì, gia hạn, chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp			2.386		
d	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, công bố, đăng bạ đại diện sở hữu công nghiệp			23		
1.2	Phí	391.371	84.508	129.298	33,04%	153,00%
a	Phí thẩm định về sở hữu công nghiệp			34.636		
b	Phí giải quyết yêu cầu phản đối đơn về sở hữu công nghiệp			284		
c	Phí tra cứu thông tin về sở hữu công nghiệp			10.262		
d	Phí công bố, đăng bạ thông tin sở hữu công nghiệp			8.841		
e	Phí sử dụng Văn bằng bảo hộ			17.861		
f	Phí thẩm định đăng ký quốc tế về sở hữu công nghiệp			57.413		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	123.610	9.989	16.572	13,41%	165,90%
2.1	Chi sự nghiệp.....	-	-	-		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-		



2.2	Chi quản lý hành chính	123.610	9.989	16.572	13,41%	165,90%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	295.165	99.244	71.325	24,16%	71,87%
3.1	Lệ phí	27.404	10.685	6.675	24,36%	62,47%
	Lệ phí nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp			2.278		
	Lệ phí cấp Văn bằng bảo hộ, cấp giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp			1.988		
	Lệ phí duy trì, gia hạn, chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp			2.386		
	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, công bố, đăng bạ đại diện sở hữu công nghiệp			23		
3.2	Phí	267.761	88.559	64.650	24,14%	73,00%
	Phí thẩm định về sở hữu công nghiệp			17.318		
	Phí giải quyết yêu cầu phản đối đơn về sở hữu công nghiệp			142		
	Phí tra cứu thông tin về sở hữu công nghiệp			5.132		
	Phí công bố, đăng bạ thông tin sở hữu công nghiệp			4.421		
	Phí sử dụng Văn bằng bảo hộ			8.931		
	Phí thẩm định đăng ký quốc tế về sở hữu công nghiệp			28.707		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.850	-	-	0,00%	0,00%
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học	8.850	-	-	0,00%	0,00%
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	8.850	-	-	0,00%	0,00%
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	8.850	-	-	0,00%	0,00%
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					

